

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HS-ST

Ngày: 18/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đoàn Thanh Thái

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Phạm Thị Bích Vân

2. Ông Nguyễn Văn Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Hưng – Kiểm sát viên và ông Nguyễn Bảo Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1980, tại Kiên Giang

Nơi cư trú: 56/545A, khu phố Vĩnh Phát, phường Vĩnh Hiệp, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Mua bán, tháo dỡ công trình Trình độ học vấn: 00/12 (không biết chữ);

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam

Tôn giáo: không.

Quốc tịch: Việt Nam;

Cha: Nguyễn Hữu P, sinh năm 1961 (chết); Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (sống).

Vợ: Võ Thuý D, sinh năm 1981.

Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2000; nhỏ nhất sinh năm 2012

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến ngày 26/5/2022 được cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Trần Phương T**, sinh năm 1974, tại Tp Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: ấp Phú Xương, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 05/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính : Nam

Tôn giáo: hoà hảo.

Quốc tịch: Việt Nam;

Cha: Trần L, sinh năm 1952 (chết); Mẹ: Lê Thị Lệ H, sinh năm 1951 (sống)

Vợ: Lâm Thanh T, sinh năm 1983.

Con: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2010

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tuấn: Luật sư Huỳnh Hồng D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang

** Bị hại: anh Thái Thanh Tùng (chết)*

- Người đại diện hợp pháp của anh Thái Thanh Tùng:

1. Ông Thái Văn N, sinh năm 1956 (cha, vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1959 (mẹ, vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp Xóm Lắm, xã Hiệp Thành, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chị Vòng Mỹ N, sinh năm 1986 (vợ, có mặt)

Nơi cư trú: Khóm 4, Phường 2, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở: số 6, đường số 8, cư xá B, Phường 8, Quận 11, Tp Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/11/2020, tại công trình tháo dỡ nhà xưởng ô tô HUYNDAI-VINAMOTOR (địa chỉ: Lô 2-10, khu công nghiệp Trà Nóc 2, khu vực Thới Thuận, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ) xảy ra vụ việc tai nạn lao động anh Thái Thanh Tùng, sinh năm 1983, ĐKTT: xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đang thực hiện tháo dỡ phần mái tôn của nhà xưởng thì bị té ngã từ trên nóc nhà xưởng xuống nền nhà xưởng, được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng sau đó tử vong.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 62/TT ngày 16/11/2020 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế thành phố Cần Thơ kết luận: nạn nhân Thái Thanh Tùng gây kín xương cổ tay phải và trái, vỡ sọ phức tạp vùng trán đỉnh hai bên và vỡ cơ xương hàm – mặt bên phải, xuất huyết khoang dưới nhện lan tỏa hai bán cầu, dập não thùy trán – thái dương phải; nguyên nhân chết: chấn thương sọ não nặng. (BL 87-88)

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện từ vị trí nền nhà xưởng (vị trí 1) hướng đến vị trí mái tôn nhà xưởng bị rách thành lỗ hổng là 9,52 mét (chín phẩy năm mươi hai mét). (BL 49-50).

Biên bản kiểm tra điều kiện an toàn tháo dỡ công trình nhà xưởng có sự tham gia của Thanh tra Sở lao động, thương binh và xã hội xác định: tại công trình không có thực hiện các biện pháp an toàn trước khi tháo dỡ, chưa trang bị các phương tiện phòng hộ như quần áo bảo hộ lao động, dây đeo an toàn khi làm việc trên cao, ván lót khi làm việc trên cao, thang làm việc để trèo trên cao, chưa kiểm tra hệ thống điện trong nhà xưởng có liên quan đến nhà xưởng đang tháo dỡ, người lao động chưa được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động. Có sự xác nhận của đối tượng Trần Phương T. (BL 169-170).

Công trình ô tô HUYNDAI-VINAMOTOR do bà Dương Thị Thu Vân (sinh năm 1978, ĐKTT: 310 Lô C, chung cư Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở: ấp 2, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang) chuyên thu mua các công trình cũ, mua lại nhà xưởng nêu trên của ông Dương Văn Nhân (sinh năm 1967, ĐKTT: ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp) với giá trị 4.120.000.000 đồng (bốn tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) thể hiện bằng giấy đặt cọc ngày 01/11/2020. (BL 220)

Bà Vân không có giấy phép thi công tháo dỡ công trình nên có thỏa thuận (không lập thành văn bản) với nội dung thuê lại Nguyễn Hoàng M (sinh năm 1980, ĐKTT: 56/545A, KP Vĩnh Phát, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá,

tỉnh Kiên Giang), nghề nghiệp: mua bán, tháo dỡ công trình, có đăng ký kinh doanh được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – Hộ kinh doanh số 56A 8014312 trong đó có ngành nghề kinh doanh: tháo dỡ công trình (43110) để thực hiện việc tháo dỡ toàn bộ khu nhà xưởng với giá trị là toàn bộ phần tôn của nhà xưởng, theo trình bày của Nguyễn Hoàng M giá trị ước tính trên 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Do có quan hệ làm ăn nhiều năm với Trần Phương T (sinh năm 1974, ĐKTT: ấp Phú Xương, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang) là người có kinh nghiệm trong thi công tháo dỡ nên Minh và Tuấn có thỏa thuận (không lập thành văn bản) với nội dung Minh thuê lại cho Tuấn thi công tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng với tiền công là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Sau khi nhận công trình đã thuê tổng cộng 10 người gồm Nguyễn Huỳnh Vinh (sinh năm: 1993, ĐKTT: ấp Cây Giăng, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu); Nguyễn Văn Síl (sinh năm: 1970, ĐKTT: Ấp Phước Ba B, xã Vĩnh Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu); Lê Văn Tiến (sinh năm: 1983, ĐKTT: Số 46/3 Bông Sao, phường 5, quận 8, TP Hồ Chí Minh); Nguyễn Hoàng Lương (sinh năm 1983, ĐKTT: Số 137A, khóm 2, phường 9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long); Nguyễn Minh Đức (sinh năm 1984, ĐKTT: ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang); Trịnh Phi Toàn (sinh năm 1984, ĐKTT: ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang); Nguyễn Phước Hận (sinh năm 1985. ĐKTT: ấp Long Bình, xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang); Quách Văn Đô (sinh năm 1992, ĐKTT: ấp Cây Giăng, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu); Lê Văn Sau (sinh năm 1974, ĐKTT: khóm 2, phường 9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) và nạn nhân Thái Thanh Tùng. Giữa Tuấn và người lao động không có hợp đồng lao động, tiền công một ngày cho mỗi người từ 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) đến 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Khi thi công thì chia hai nhóm, một nhóm tháo dỡ trên mái tôn gồm Thái Thanh Tùng, Lê Văn Sau, Nguyễn Hoàng Lương, Nguyễn Huỳnh Vinh, Nguyễn Minh Đức, Trịnh Phi Toàn và Nguyễn Phước Hận, còn lại thu gom dưới nền. Thời gian làm việc trong ngày là từ 07 giờ đến 11 giờ (buổi sáng) và từ 13 giờ đến 17 giờ (buổi chiều). Tuấn không thực hiện việc huấn luyện cho người lao động, không trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn lao động nên trong chiều ngày thi công đầu tiên (khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/11/2020) đã xảy ra vụ việc tai nạn lao động anh Thái Thanh Tùng, được Tuấn

phân công tháo dỡ phần mái tôn bị té ngã từ trên nóc nhà xưởng xuống nền nhà xưởng tử vong.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng M và Trần Phương T khai nhận toàn bộ hành vi, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 14 tháng 06 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T về tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo điểm a Khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với số tiền 100.000.000 Đồng đã bồi thường cho gia đình anh Tùng là bao gồm tiền của bị cáo Minh và bị cáo Tuấn cùng đóng góp hỗ trợ cho gia đình bị hại.

- Đại diện hợp pháp của bị hại chị Vòng Mỹ Nhì trình bày: Vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền là 30 tháng lương tối thiểu. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội:

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu lưu hồ sơ 02 đĩa ghi hình.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Phương T trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện Kiểm sát truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo Tuấn vì bị cáo Tuấn có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, đang nuôi mẹ già. Về yêu cầu của bị cáo thì tự nguyện bồi thường cho bị hại 10 tháng lương tối thiểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản hiện trường, kết luận giám định pháp y. Cụ thể, sau khi bị cáo Minh được bà Dương Thị Thu Vân thuê tháo dỡ công trình, mặc dù bị cáo Minh có chức năng tháo dỡ công trình nhưng bị cáo không thực hiện. Bên cạnh, bị cáo biết rõ bị cáo Tuấn không có chức năng tháo dỡ công trình nhưng vẫn thuê bị cáo Tuấn tháo dỡ, đây chính là hành vi vi phạm pháp luật về an toàn lao động của bị cáo. Đồng thời đối với bị cáo Tuấn Mặc dù bản thân biết rõ không có chức năng tháo dỡ, không có kiến thức về an toàn lao động khi tháo dỡ công trình đã thuê anh Thái Thanh Tùng tháo dỡ nhà xưởng nhưng không trang bị cho anh Tùng kiến thức tháo dỡ công trình, trang bị đầy đủ bảo hộ an toàn lao động hậu quả là khi tháo dỡ anh Tùng đã ngã từ độ cao 9,52 m dẫn đến tử vong.

Hành vi của các bị cáo đã vi phạm quy định của Nhà nước về an toàn lao động, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 8 Điều 21 Nghị định số 28/2020/NĐ - CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ, mục 2.19.1.4 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong xây dựng QCVN 18:2014/BXD ban hành theo Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ Xây dựng, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, các bị cáo bị truy tố, xét xử là không oan, sai cho các bị cáo. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có các tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ nhận thấy các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực đưa bị hại đi cấp cứu, bồi thường cho gia đình bị hại,

phạm tội lần đầu và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; là lao động chính trong gia đình; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ đó không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, nên Viện Kiểm sát đề nghị hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Nhận thấy, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính nên không cần khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, cần áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Nhận thấy yêu cầu của chị Vòng Mỹ Nhì về việc yêu cầu bồi thường 30 tháng lương là phù hợp và có cơ sở chấp nhận nên cần buộc các bị cáo liên đới chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 44.700.000 đồng cho nhưng người đại diện hợp pháp của bị hại, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 22.350.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Nhận thấy 02 đĩa ghi hình là vật chứng của vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T.

Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 8 Điều 21 Nghị định số 28/2020/NĐ - CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ.

Mục 2.19.1.4 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong xây dựng QCVN 18:2014/BXD ban hành theo Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ Xây dựng

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng M, bị cáo Trần Phương T phạm tội: “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*”.

- Xử phạt: **Nguyễn Hoàng M** mức án 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. (có khấu trừ thời hạn tạm giam từ 25/3/2022 đến 26/5/2022)

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng M cho UBND phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: **Trần Phương T** mức án 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Phương T cho UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian

chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Phương T, Nguyễn Hoàng M.

- Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng. (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 44.700.000 đồng (cụ thể bị cáo Minh bồi thường 22.350.000 đồng, bị cáo Tuấn bồi thường 22.350.000 đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ 02 đĩa ghi hình (Bút lục 357 - 358)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Phương T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.117.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, đại diện hợp pháp của anh Thái Thanh Tùng có quyền kháng cáo. đại diện hợp pháp của anh Thái Thanh Tùng vắng mặt được quyền kháng cáo trạng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TPCT;
- VKSND quận Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn;
- Công An quận Ô Môn;
- NTG CA quận Ô Môn;
- Bị cáo, ĐD Bị hại, NBC;
- Lưu.

Đoàn Thanh Thái

